TÒA ÁN NHÂN DÂN **Huyện Yên Khánh** **Tỉnh Ninh Bình**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHIA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2019/HNGĐ - ST
Ngày: 31/7/ 2019.
Về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN KHÁNH, TỈNH NINH BÌNH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Công.
2. Bà Nguyễn Thị Huế.

- Thư ký phiên toà: Ông Vũ Kim Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Khánh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Khánh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Thoa – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 99/2019/TLST- HNGĐ ngày 2 tháng 7 năm 2019 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2019/QĐST - HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Phạm Thị G; có mặt.

Địa chỉ: Xóm 10, xã M, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

- *Bị đơn*: Anh Lê Văn P (tên gọi khác Lê Việt P); vắng mặt.

Địa chỉ: Xóm 3, xã Khánh Mậu, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

NHẬN THẤY

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, các văn bản khác có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Phạm Thị G trình bày: Chị và anh Lê Văn P kết hôn hợp pháp với nhau ngày 17 tháng 5 năm 2001 tại Ủy ban nhân dân xã

M, huyện Y, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc được 8 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do anh chị bất đồng quan điểm sống dẫn đến cãi nhau, cuộc sống chung trở nên nặng nề và áp lực. Khi mâu thuẫn phát sinh chị và anh P đã tìm các biện pháp khắc phục và được hai bên gia đình khuyên giải nhưng mâu thuẫn của chị với anh P không khắc phục được. Do mâu thuẫn trầm trọng nên chị và anh P đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2012 cho đến nay. Trong thời gian này chị và anh P không còn quan tâm và liên lạc với nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh chị không về đoàn tụ được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Văn P.

Về con chung (riêng): Chị và anh P có hai con chung là cháu Lê Phương Nam L sinh ngày 22 tháng 8 năm 2001 và cháu Lê Tuấn K sinh ngày 16 tháng 12 năm 2008. Chị là người trực tiếp nuôi các cháu kể từ khi anh chị sống ly thân cho đến nay. Anh P thường xuyên đi làm xa; còn chị là giáo viên, có điều kiện nuôi con tốt hơn anh P và các cháu có nguyện vọng ở với chị. Do đó chị đề nghị Tòa án giao cháu Lê Phương Nam L sinh ngày 22 tháng 8 năm 2001 và cháu Lê Tuấn K sinh 16 tháng 12 năm 2008 cho chị tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc. Chị yêu cầu anh P có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu K là 1.000.000 đồng/1 tháng kể từ khi anh chị ly hôn cho đến khi cháu đủ 18 tuổi; cháu L đến ngày 22 tháng 8 năm 2019 đủ 18 tuổi nên chị không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng đối với cháu L. Chị và anh P không có con riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung (riêng), công nợ và đất nông nghiệp: Chị và anh P không có tài sản chung (riêng), công nợ và đất nông nghiệp nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại văn bản ý kiến trả lời và bản tự khai ngày 5 tháng 7 năm 2019 bị đơn là anh Lê Văn P trình bày: Anh và chị G tự do tìm hiểu nhau và đã quyết định đăng ký kết hôn vào ngày 17 tháng 5 năm 2001 tại Ủy ban nhân dân xã M. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do trong cuộc sống bất đồng về quan điểm. Do cuộc sống không có hạnh phúc nên vợ chồng anh đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2012 tới nay. Trong khoảng thời gian sống ly thân anh và chị G không còn quan tâm, liên lạc với nhau nữa. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh nhất trí ly hôn với chị G.

Về con chung (riêng): Vợ chồng anh có hai con chung là cháu Lê Phương Nam L sinh ngày 22 tháng 8 năm 2001 và cháu Lê Tuấn K sinh ngày 16 tháng 12 năm 2008, hiện các cháu đang do chị G nuôi dưỡng. Do vậy để đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho các cháu và vì công việc anh thường xuyên xa nhà nên anh nhất trí giao cả hai cháu L và K cho chị G tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

Anh có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi cháu K mỗi tháng là 1.000.000 đồng kể từ khi anh chị ly hôn cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Anh và chị G không có con riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung (riêng), công nợ và đất nông nghiệp: Trong quá trình chung sống tới nay, anh và chị G không có tài sản chung (riêng), công nợ và đất nông nghiệp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

1. Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Điều 70, Điều 71 và Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Phạm Thị G. Xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị G và anh Lê Văn P được ly hôn.

2/ Về con chung: Giao cháu Lê Phương Nam L sinh ngày 22 tháng 8 năm 2001 và cháu Lê Tuấn K sinh ngày 16 tháng 12 năm 2008 cho chị Phạm Thị G tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Lê Văn P có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu K là 1.000.000 đồng /1 tháng kể từ khi anh chị ly hôn cho đến khi cháu đủ 18 tuổi; anh P không phải cấp dưỡng đối với cháu L.

3/ Về án phí: Chị Phạm Thị G nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và anh Lê Văn P nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ.

XÉT THẤY

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn là anh Lê Văn P, anh P có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy để đảm bảo quyền lợi của các đương sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị G và anh Lê Văn P là hợp pháp. Sau một thời gian chung sống hạnh phúc, anh chị phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Hai bên đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2012 cho đến nay và không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng. Chị G xin ly hôn anh P và có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, anh P nhất trí ly hôn. Điều này chứng tỏ tình trạng vợ chồng giữa chị G và anh P đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

[3] Về con chung (riêng): Anh chị có hai con chung là cháu Lê Phương Nam L sinh ngày 22 tháng 8 năm 2001 và cháu Lê Tuấn K sinh ngày 16 tháng 12 năm 2008. Chị G và anh P đều đề nghị Tòa án giao hai con chung là cháu Lê Phương Nam L sinh ngày 22 tháng 8 năm 2001 và cháu Lê Tuấn K sinh ngày 16 tháng 12 năm 2008 cho chị G tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh P có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu K là 1.000.000 đồng /1tháng kể từ khi anh chị ly hôn cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị G không yêu cầu anh P cấp dưỡng đối với cháu L vì đến ngày 22 tháng 8 năm 2019 cháu L đủ 18 tuổi.

Xuất phát từ lợi ích về mọi mặt của cháu L và cháu K , Hội đồng xét xử xét thấy: Việc giao cháu L và cháu K cho chị G tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng; anh P không có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với cháu L và có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với cháu K 1.000.000đ/ 1 tháng là phù hợp với Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình.

Chị Phạm Thị G và anh Lê Văn P không có con riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung (riêng), công nợ và đất nông nghiệp: Chị Phạm Thị G và anh Lê Văn P không có tài sản chung (riêng), công nợ và đất nông nghiệp nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Phạm Thị G nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và anh Lê Văn P nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị G và anh Lê Văn P (tên gọi khác Lê Việt P) được ly hôn.

2/ Về con chung: Giao cháu Lê Phương Nam L sinh ngày 22 tháng 8 năm 2001 và cháu Lê Tuấn K sinh ngày 16 tháng 12 năm 2008 cho chị Phạm Thị G tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Lê Văn P không có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với cháu L và có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với cháu K là 1.000.000 đồng (*một triệu đồng*)/ 1 tháng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi.

Anh Lê Văn P có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án còn phải chịu một khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3/ Về án phí: Chị Phạm Thị G nộp 300.000 đồng (b*a trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2013/ 0002068 ngày 02 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

Anh Lê Văn P nộp 300.000 đồng (b*a trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 31/7/2019); bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện Yên Khánh .
- Chi cục THA dân sự huyện Yên Khánh.
- UBND xã Khánh Mậu, huyện Yên Khánh.
- Đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thanh Phương